PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH
MÔN: TOÁN LỚP 6
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
Cả năm : 37 tuần (140 tiết)

Học kì I : 19 tuần (72 tiết) : Số Học :58 tiết- Hình Học :14 tiết
Tuần 1 → tuần 14: 3tiết SH + 1tiết HH; **T**uần 15 → **T**uần 17: 4 tiết SH.
Tuần 18 → tuần 19 :2 tiết SH
Học kì II : 18 tuần (68 tiết) : Số Học :53tiết ; Hình học :15 tiết
Tuần 20 → tuần 34: 3 tiết SH+1 HH ; **T**uần 35: 4tiết SH; **T**uần 36 → tuần 37: 2 tiết SH

SỐ HỌC

Tuần	TIẾT PPCT	TÊN BÀI DẠY	Ghi chú
CHƯƠNG I : ÔN TẬP VÀ BỔ TÚC VỀ SỐ TỰ NHIÊN			
1	1	Tập hợp . phần tử của tập hợp	
	2	Tập hợp các số tự nhiên	
	3	Ghi số tự nhiên	
2	4	Số phần tử của một tập hợp . tập hợp con	
	5	Luyện tập	
	6	Phép cộng và phép nhân	
3	7	Luyện tập 1	
	8	Luyện tập 2	
	9	Phép trừ và phép chia	
4	10	Luyện tập 1	
	11	Luyện tập 2	
	12	Luỹ thừa với số mũ tự nhiên. Nhân hai luỹ thừa cùng cơ số	
5	13	Luyện tập	
	14	Chia hai luỹ thừa cùng cơ số	
	15	Thứ tự thực hiện các phép tính	
6	16	Luyện tập 1	
	17	Luyện tập 2	
	18	Kiểm tra 45 phút	
7	19	Tính chất chia hết của một tổng	
	20	Dấu hiệu chia hết cho hai và cho năm	
	21	Luyện tập	
8	22	Dấu hiệu chia hết cho ba và cho chín	
	23	Luyện tập	
	24	Ước và bội	
9	25	Số nguyên tố : hợp số . bảng số nguyên tố	
	26	Luyện tập	
	27	Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	

Tuần	TIẾT PPCT	TÊN BÀI DẠY	Ghi chú
10	28	Luyện tập	
	29	Ước chung và bội chung	
	30	Luyện tập	
11	31	Ước chung lớn nhất	
	32	Luyện tập 1	
	33	Luyện tập 2	
12	34	Bội chung nhỏ nhất	
	35	Luyện tập 1	
	36	Luyện tập 2	
13	37	On tập chương I	
	38	On tập chương I(TT)	
	39	Kiểm tra 45 phút	
		CHƯƠNG II SỐ NGUYÊN	
14	40	Làm quen với số nguyên âm	
	41	Tập hợp các số nguyên	
	42	Thứ tự trong tập các số nguyên	
15	43	Luyện tập	
	44	Cộng hai số nguyên cùng dấu	
	45	Cộng hai số nguyên khác dấu	
	46	Luyện tập	
16	47	Tính chất của phép cộng các số nguyên	
	48	Luyện tập	
	49	Phép trừ hai số nguyên	
	50	Luyện tập	
17	51	Quy tắc dấu ngoặc	
	52	Luyện tập	
	53	Ôn tập học kì I (Số học – Hình Học)	
	54	Ôn tập học kì I (Số học – Hình Học ,tiếp theo)	
18	55	Kiểm tra học kì I (Số học – Hình Học)	
	56	Kiểm tra học kì I (Số học – Hình Học)	
19	57	Trả bài kiểm tra học kì I (Số học – Hình Học)	
	58	Trả bài kiểm tra học kì I (Số học – Hình Học)	

HỌC KỲ II			
Tuần	**Tiết PPCT**	**Tên bài dạy**	**Ghi chú**
20	59	Quy tắc chuyển vế – luyện tập	
	60	Nhân hai số nguyên khác dấu	
	61	Nhân hai số nguyên cùng dấu	

21	62	Luyện tập	
	63	Tính chất của phép nhân	
	64	Luyện tập	
22	65	Bội và ước của một số nguyên	
	66	Ôn tập chương II	
	67	Ôn tập chương II(tiếp theo)	
23	68	Kiểm tra 45 phút	
CHƯƠNG III-PHÂN SỐ			
	69	Mở rộng khái niệm phân số	
	70	Phân số bằng nhau	
24	71	Tính chất cơ bản của phân số	
	72	Rút gọn phân số	
	73	Luyện tập	
25	74	Luyện tập(tiếp theo)	
	75	Quy đồng mẫu nhiều phân số	
	76	Luyện tập	
26	77	So sánh phân số	
	78	Phép cộng phân số	
	79	Luyện tập	
27	80	Tính chất cơ bản của phép cộng phân số	
	81	Luyện tập	
	82	Phép trừ phân số	
28	83	Luyện tập	
	84	Phép nhân phân số	
	85	Tính chất cơ bản của phép nhân phân số	
29	86	Luyện tập	
	87	Phép chia phân số	
	88	Luyện tập	
30	89	Hỗn số_số thập phân_ phần trăm	
	90	Luyện tập	
	91	Luyện tập các phép tính về phân số và số thập phân	
31	92	Luyện tập các phép tính về phân số và số thập phân(tt)	
	93	Kiểm tra 45 phút	
	94	Tìm giá trị của phân số của một số cho trước	
32	95	Luyện tập	
	96	Luyện tập(tiếp theo)	
	97	Tìm một số biết giá trị một phân số của nó	
33	98	Luyện tập	
	99	Luyện tập (tiếp theo)	
	100	Tìm tỉ số của hai số	
34	101	Luyện tập	

	102	Biểu đồ phần trăm	
	103	Luyện tập	
35	104	Ôn tập chương III	
	105	Ôn tập chương III (tiếp theo)	
	106	Ôn tập cuối năm	
	107	Ôn tập cuối năm (tiếp theo)	
36	108	Kiểm tra cuối năm 90 phút (Số học + Hình Học)	
	109	Kiểm tra cuối năm 90 phút (Số học + Hình Học)	
37	100	Trả bài kiểm tra cuối năm(Số học + Hình Học)	
	111	Trả bài kiểm tra cuối năm(Số học + Hình Học)	

HÌNH HỌC			
Tuần	**TIẾT PPCT**	**Tên bài dạy**	**Ghi chú**
CHƯƠNG I : ĐOẠN THẲNG (14tiết)			
1	1	Điểm. Đường thẳng	
2	2	Ba điểm thẳng hàng	
3	3	Đường thẳng đi qua hai điểm	
4	4	Thực hành trồng cây thẳng hàng	
5	5	Tia	
6	6	Luyện tập	
7	7	Đoạn thẳng	
8	8	Độ dài đoạn thẳng	
9	9	Khi nào thì AM+MB=AB	
10	10	Luyện tập	
11	11	Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài	
12	12	Trung điểm của đoạn thẳng	
13	13	Ôn tập chương I	
14	14	Kiểm tra 45 phút	
CHƯƠNG II : GÓC(15 tiết)			
20	15	Nửa mặt phẳng	
21	16	Góc	
22	17	Số đo góc	
23	18	Vẽ góc cho biết số đo	*
24	19	Khi nào thì xOy+ yOz = xOz	*
25	20	Tia phân giác của góc	
26	21	Luyện tập	
27	22	Thực hành: đo góc trên mặt đất	
28	23	Thực hành: đo góc trên mặt đất	
29	24	Đường tròn	

30	25	Tam giác	
31	26	Ôn tập chương II	
32	27	Kiểm tra 45 phút	
33	28	Ôn tập cuối năm	
34	29	Ôn tập cuối năm (Tuần 34 PPCT)	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 7
MÔN: TOÁN

Cả năm : 37 tuần (140 tiết)
Học kì I : 19 tuần (72 tiết) ***Đại số*** :40 tiết ; ***Hình Học***: 32 tiết
Tuần 1 → tuần 4: 3 tiết ĐS+ 1 tiết HH; **T**uần 5 → tuần 17: 2 tiết ĐS +2 tiết HH.
Tuần 18 → tuần 19 :1 tiết ĐS+ 1 HH.
Học kì II : 18 tuần (68 tiết) ***Đại số***: 30 tiết ; ***Hình Học*** :38 tiết
Tuần 20 → tuần 23 :1tiết ĐS + 3tiết HH;**T**uần 24 → tuần 35 : 2 tiết ĐS + 2 tiết HH.
Tuần 36 → tuần 37: 1 tiết ĐS + 1tiết HH.

ĐẠI SỐ (70 TIẾT)			
Tuần	**Tiết PPCT**	**Tên bài dạy**	**Ghi chú**
		Chương I: Số hữu tỉ, số thực *(22tiết)*	
1	1	$1. Tập hợp Q các số hữu tỉ	
	2	$2. Cộng , trừ số hữu tỉ	
	3	$3. Nhân, chia số hữu tỉ	
2	4	Luyện tập	
	5	$4. Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ.Cộng , trừ , nhân , chia số thập phân	
	6	Luyện tập	
3	7	$5. Luỹ thừa của một số hữu tỉ	
	8	$6. Luỹ thừa của một số hữu tỉ (tiếp theo)	
	9	Luyện tập	
4	10	$7. Tỉ lệ thức.	
	11	Luyện tập	
	12	$8. Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau	
5	13	Luyện tập	
	14	$9. Số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn	
6	15	Luyện tập	
	16	$10. Làm tròn số.	
7	17	$11. Số vô tỉ. Khái niệm về căn bậc hai	
	18	$12. Số thực.	
8	19	Luyện tập	
	20	Ôn tập chương I với sự trợ giúp của máy tính CASIO	
9	21	Ôn tập chương I với sự trợ giúp của máy tính CASIO (TT)	
	22	Kiểm tra 45' (chương I)	
		Chương II: Hàm số và đồ thị *(18tiết)*	
10	23	$1. Đại lượng tỉ lệ thuận	
	24	$2. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận	
11	25	Luyện tập	
	26	$3. Đại lượng tỉ lệ nghịch	
12	27	$4. Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch	

	28	Luyện tập	
13	29	$5. Hàm số	
	30	Luyện tập	
14	31	$6. Mặt phẳng toạ độ	
	32	Luyện tập	
15	33	$7. Đồ thị của hàm số y = ax (a ≠ 0)	
	34	Luyện tập	
16	35	Ôn t ập chương II	
	36	Ôn tập học kì I	
17	37	Ôn tập học kì I(TT)	
	38	Ôn tập học kì I(TT)	
18	39	Kiểm tra học kì I 90' (kết hợp +1 tiết hình học)	
19	40	Trả bài kiểm trả học kì I (phần Đại số)	
Chương III: Thống kê *(10tiết)*			
20	41	$1. Thu thập số hiệu thống kê, tần số	
21	42	Luyện tập	
22	43	$2. Bảng "tần số" các gía trị của dấu hiệu	
23	44	Luyện tập	
24	45	$3. Biểu đồ	
	46	Luyện tập	
25	47	$4. Số trung bình cộng	
	48	Luyện tập	
26	49	Ôn tập chương III với sự trợ giúp của máy tính CASIO	
	50	Kiểm tra 45' (Chương III)	
Chương IV: Biểu thức đại số *(20tiết)*			
27	51	$1. Khái niệm về biểu thức đại số	
	52	$2. Giá trị của một biểu thức đại số	
28	53	$3. Đơn thức	
	54	$4. Đơn thức đồng dạng	
29	55	Luyện tập	
	56	$5. Đa thức	
30	57	$6. Cộng , trừ đa thức	
	58	Luyện tập	
31	59	$7. Đa thức 1 biến	
	60	$8. Cộng , trừ đa thức 1 biến	
32	61	Luyện tập	
	6 2	$9. Nghiệm của đa thức 1 biến	
33	63	$9. Nghiệm của đa thức 1 biến (TT)	
	64	Ôn tập chương IV với sự trợ giúp của máy tính CASIO	
34	65	Ôn tập cuối năm	
	66	Ôn tập cuối năm(TT)	
35	67	Ôn tập cuối năm (Ôn tập Số + Hình học)	
	68	Ôn tập cuối năm (Ôn tập Số + hình học)	
36	69	Kiểm tra cuối năm (+ 1tiết hình học) (Tuần 36 PPCT)	
37	70	Trả bài kiểm tra cuối năm (Phần ĐS)	

HÌNH HỌC (70 tiết)			
Tuần	**Tiết PPCT**	**Tên bài dạy**	**Ghi chú**
		Chương I: Đường thẳng vuông góc và song song *(16tiết)*	
1	1	§1. Hai góc đối đỉnh	
2	2	Luyện tập	
3	3	§2. Hai đường thẳng vuông góc	
4	4	Luyện tập	
5	5	§3. Các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt 2 đường thẳng	
	6	§4. Hai đường thẳng song song	
6	7	Luyện tập	
	8	§5. Tiên đề Ơclit về đường thẳng song song	
7	9	Luyện tập	
	10	§6. Từ vuông góc đến song song	
8	11	Luyện tập	
	12	§7. Định lý	
9	13	Luyện tập	
	14	Ôn tập chương I	
10	15	Ôn tập chương I(TT)	
	16	Kiểm tra chương I	
		Chương II: Tam giác (3*0 tiết)*	
11	17	§1. Tổng ba góc của một tam giác	
	18	§1. Tổng ba góc của một tam giác(TT)	
12	19	Luyện tập	
	20	§2. Hai tam giác bằng nhau	
13	21	Luyện tập	
	22	§3. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác (c.c.c)	
14	23	§3. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác (c.c.c)(TT)	
	24	Luyện tập	
15	25	§4. Trường hợp bằng nhau thứ hai của tam giác (c.g.c)	
	26	§4. Trường hợp bằng nhau thứ hai của tam giác (c.g.c)(TT)	
16	27	Luyện tập	
	28	§5. Trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác (g.c.g)	
17	29	Luyện tập	
	30	Ôn tập kì I	
18	31	Kiểm tra HKI (Kết hợp 1 tiết ĐS) (Tuần 18 PPCT) (*)	
19	32	Trả bài kiểm tra học kì I (phần hình học)	
HỌC KỲ II			
20	33	Luyện tập (Ba trường hợp bằng nhau của tam giác)	
	34	Luyện tập (Ba trường hợp bằng nhau của tam giác)(TT)	
	35	§6. Tam giác cân	
21	36	Luyện tập	
	37	§7. Định lý Pitago	
	38	Luyện tập	
22	39	Luyện tập(TT)	
	40	§8. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	
	41	Luyện tập	

23	42	Thực hành ngoài trời	
	43	Thực hành ngoài trời(TT)	
	44	Ôn tập chương II với sự trợ giúp của máy tính CASIO	
24	45	Ôn tập chương II với sự trợ giúp của máy tính CASIO(TT)	
	46	Kiểm tra chương II	
Chương III: Quan hệ giữa các yếu tố của tam giác. Các đường đồng quy trong tam giác *(24tiết)*			
25	47	$1. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác	
	48	Luyện tập	
26	49	$2. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên và hình chiếu	
	50	Luyện tập	
27	51	$3. Quan hệ giữa ba cạnh của tam giác, bất đẳng thức trong tam giác	
	52	Luyện tập	
28	53	$4. Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác	
	54	Luyện tập	
29	55	$5. Tính chất tia phân giác của một góc	
	56	Luyện tập	
30	57	$6. Tính chất ba đường phân giác của tam giác	
	58	Luyện tập	
31	59	$7. Tính chất đường trung trực của một đoạn thẳng	
	60	Luyện tập	
32	61	$8. Tính chất ba đường trung trực của tam giác	
	62	Luyện tập	
33	63	$9. Tính chất ba đường cao của tam giác	
	64	Luyện tập	
34	65	Ôn tập chương III	
	66	Ôn tập chương III(TT)	
35	67	Kiểm tra chương III	
	68	Ôn tập cuối năm	
36	69	Kiểm Tra cuối năm (+ 1 tiết ĐS)	
37	70	Trả bài kiểm tra cuối năm (phần hình học)	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 8
MÔN: TOÁN
Cả năm : 37 tuần (140 tiết)

Học kì I : 19 tuần (72 tiết) ***Đại số*** :40 tiết ; ***Hình Học***: 32 tiết
Tuần 1 → tuần 4: 3 tiết ĐS+ 1 tiết HH; **T**uần 5 → tuần 17: 2 tiết ĐS +2 tiết HH.
Tuần 18 → tuần 19 :1 tiết ĐS+ 1 HH.
Học kì II : 18 tuần (68 tiết) ***Đại số***: 30 tiết ; ***Hình Học*** :38 tiết
Tuần 20 → tuần 23 :1tiết ĐS + 3 tiết HH ;**T**uần 24 → tuần 35 : 2 tiết ĐS + 2 tiết HH
Tuần 36 → tuần 37: 1 tiết ĐS + 1tiết HH.

PHẦN I : ĐẠI SỐ

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
HỌC KỲ I			
Chương I: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA CÁC ĐA THỨC (21 tiết)			
1	1	Nhân đơn thức với đa thức.	
	2	Nhân đa thức với đa thức.	
	3	Luyện tập	
2	4	Những hằng đẳng thức đáng nhớ.	
	5	Luyện tập	
	6	Những hằng đẳng thức đáng nhớ. (tt)	
3	7	Những hằng đẳng thức đáng nhớ. (tt)	
	8	Luyện tập	
	9	Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung.	
4	10	Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức.	
	11	Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử.	
	12	Luyện tập	
5	13	Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp phối hợp nhiều phương pháp.	
	14	Luyện tập.	
6	15	Chia đơn thức cho đơn thức.	
	16	Chia đa thức cho đơn thức.	
7	17	Chia đa thức một biến đ sắp xếp.	
	18	Luyện tập.	
8	19	Ôn tập chương I	
	20	Ôn tập chương I(tiếp theo)	
9	21	Kiểm tra 45 pht.	
Chương II: PHÂN THỨC ĐẠI SỐ.(19 tiết)			
	22	Phân thức đại số	
10	23	Tính chất cơ bản của phân thức.	
	24	Rút gọn phân thức.	
11	25	Luyện tập.	
	26	Quy đồng mẫu thức của nhiều phân thức.	

12	27	Luyện tập.	
	28	Phép cộng phân thức đại số.	
13	29	Luyện tập.	
	30	Phép trừ các phân thức đại số.	
14	31	Luyện tập.	
	32	Phép nhân các phân thức đại số	
15	33	Phép chia các phân thức đại số.	
	34	Biến đổi các biểu thức hữu tỉ.	
16	35	Luyện tập.	
	36	Ôn tập học kỳ I (Kết hợp ôn cả hình học)	
17	37	Ôn tập học kỳ I (Kết hợp ôn cả hình học)	
	38	Ôn tập học kỳ I (Kết hợp ôn cả hình học)	
18	39	Kiểm tra học kỳ I (+ 1 tiết hình học)	
19	40	Trả bài kiểm tra học kỳ I.(Phần đại số)	

HỌC KỲ II

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
Chương III: PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN(16 tiết)			
20	41	Mở đầu về phương trình.	
21	42	Phường trình bậc nhất một ẩn v cch giải.	
22	43	Phương trình đưa được về dạng $ax + b = 0$	
23	44	Luyện tập.	
24	45	Phương trình tích.	
	46	Luyện tập	
25	47	Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức.	
	48	Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức.(tiếp theo)	
26	49	Luyện tập	
	50	Giải bài toán bằng cách lập phương trình.	
27	51	Giải bài toán bằng cách lập phương trình. .(tiếp theo)	
	52	Luyện tập.	
28	53	Luyện tập.(tiếp theo)	
	54	Ôn tập chương III (Có dùng máy tính bỏ túi)	
29	55	Ôn tập chương III(Có dùng máy tính bỏ túi ,tiếp theo)	
	56	Kiểm tra chương III.	
Chương IV: BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN(14 tiết)			
30	57	Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng	
	58	Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân.	
31	59	Luyện tập	
	60	Bất phương trình một ẩn.	
32	61	Bất phương trình bậc nhất một ẩn.	
	62	Bất phương trình bậc nhất một ẩn.(tiếp theo)	
33	63	Luyện tập.	
	64	Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối.	
34	65	Ôn tập chương IV	

	66	Ôn tập cuối năm (Kết hợp ôn tập cả hình học)	
35	67	Ôn tập cuối năm (Kết hợp ôn tập cả hình học)	
	68	Ôn tập cuối năm (Kết hợp ôn tập cả hình học)	
36	69	Kiểm tra cuối năm (+ 1 tiết hình học)	
37	70	Trả bài kiểm tra cuối năm (Phần đại số)	

PHẦN II: HÌNH HỌC
HỌC KỲ I

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
Chương I: TỨ GIÁC. (25 tiết)			
1	1	Tứ giác.	
2	2	Hình thang	
3	3	Luyện tập	*
4	4	Hình thang cân	
5	5	Luyện tập	
	6	Đường trung bình của tam giác	
6	7	Đường trung bình của hình thang	
	8	Luyện tập	
7	9	Đối xứng trục	
	10	Luyện tập	
8	11	Hình bình hành	
	12	Luyện tập	
9	13	Đối xứng tâm	
	14	Luyện tập	
10	15	Hình chữ nhật	
	16	Luyện tập	
11	17	Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước.	
	18	Luyện tập	
12	19	Hình thoi	
	20	Luyện tập	
13	21	Hình vuông	
	22	Luyện tập	
14	23	Ôn tập chương I	
	24	Ôn tập chương I(tiếp theo)	*
15	25	Kiểm tra chương I	
Chương II: ĐA GIÁC – DIỆN TÍCH CỦA ĐA GIÁC. (11 tiết)			
	26	Đa giác – Đa giác đều.	
16	27	Diện tích hình chữ nhật	
	28	Luyện tập	
17	29	Diện tích tam giác	
	30	Luyện tập	
18	31	Kiểm tra HKI (+ 1 tiết ĐS)	
19	32	Trả bài kiểm tra học kỳ (phần hình học)	

HỌC KỲ II

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
20	33	Diện tích hình thang	
	34	Diện tích hình thoi	
	35	Diện tích đa giác	
21	36	Luyện tập.	
Chương III: TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG. (18tiết)			
	37	Định lí Talet trong tam giác	
	38	Định lí đảo và hệ quả của định lí Talet,luyện tập	
22	39	Tính chất đường phân giác của tam giác	
	40	Luyện tập	
	41	Khái niệm hai tam giác đồng dạng	
23	42	Luyện tập	
	43	Trường hợp đồng dạng thứ nhất	
	44	Trường hợp đồng dạng thứ hai	
24	45	Trường hợp đồng dạng thứ ba.	
	46	Luyện tập *(Ba trường hợp đồng dạng)*	
25	47	Luyện tập *(Ba trường hợp đồng dạng tiếp theo)*	
	48	Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông.	
26	49	Luyện tập	
	50	Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng	
27	51	Thực hành:Đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể đến được	
	52	Thực hành:Đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể đến được.	
28	53	Ôn tập chương III (có sử dụng máy tính bỏ túi)	
	54	Kiểm tra chương III	
Chương IV: HÌNH LĂNG TRỤ ĐỨNG – HÌNH CHÓP ĐỀU (16 tiết).			
29	55	Hình hộp chữ nhật	
	56	Hình hộp chữ nhật (tt)	
30	57	Thể tích hình hộp chữ nhật	
	58	Luyện tập	
31	59	Hình lăng trụ đứng.	
	60	Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng.	
32	61	Thể tích của hình lăng trụ đứng.	
	62	Luyện tập	
33	63	Hình chóp đều và hình chóp cụt đều	
	64	Diện tích xung quanh của hình chóp đều.	
34	65	Luyện tập	
	66	Thể tích của hình chóp đều	
35	67	Ôn tập chương IV	
	68	Ôn tập cuối năm	
36	69	Kiểm Tra cuối năm (+ 1 tiết ĐS)	
37	70	Trả bài kiểm tra cuối năm *(phần hình học)*	

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH
MÔN: TOÁN LỚP 9
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
Cả năm : 37 tuần (140 tiết)

Học kỳ I : 19 tuần (72 tiết) ***Đại số*** :36 tiết ; ***Hình Học***: 36tiết
Tuần 1 → tuần 17: 2 tiết ĐS + 2 tiết HH; **T**uần 18 → tuần 19: 1 tiết ĐS + 1 tiết HH
Học kỳ II : 18 tuần (68 tiết) ***Đại số***: 34 tiết ; ***Hình Học*** :34 tiết
Tuần 20 → tuần35: 2tiết ĐS + 2tiết HH ; **T**uần 36 → tuần 37 : 1 tiết ĐS + 1 tiết HH

A.PHẦN ĐẠI SỐ

HỌC KÌ I

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
CHƯƠNG I : CĂN BẬC HAI- CĂN BẬC BA (*18 tiết*)			
1	1	Căn bậc hai	
	2	Căn thức bậc hai và hằng dẳng thức $\sqrt{A^2} = \|A\|$	
2	3	Luyện tập	
	4	Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương	
3	5	Luyện tập	
	6	Liên hệ giữa phép chia phép khai phương	
4	7	Luyện tập	
	8	Biến đổi đơn giản căn thức bậc hai	
5	9	Luyện tập	
	10	Biến đổi đơn giản căn thức bậc hai (*tiếp theo*)	
6	11	Luyện tập	
	12	Rút gọn biểu thức căn thức bậc hai	
7	13	Luyện tập	
	14	Căn thức bậc ba	
8	15	Luyện tập (tìm căn bậc 2 và căn bậc 3 bằng máy tính bỏ túi)	*
	16	Ôn tập chương I	
9	17	Ôn tập chương I (*Tiếp theo*)	
	18	Kiểm tra chương I	
CHƯƠNG I :HÀM SỐ BẬC NHẤT (*11 tiết*)			
10	19	Nhắc lại khái niệm về hàm số	
	20	Luyện tập	
11	21	Hàm số bậc nhất	
	22	Luyện tập	
12	23	Đồ thị hàm số $y = ax + b\ (a \neq 0)$	
	24	Luyện tập	
13	25	Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	
	26	Luyện tập	
14	27	Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b\ (a \neq 0)$	
	28	Luyện tập	
15	29	Ôn tập chương II	

CHƯƠNG III :HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN *(17 tiết)*			
16	30	Phương trình bậc nhất hai ẩn	
	31	Hệ hai phương trình bậc nhất một ẩn	
	32	Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	
17	33	Ôn tập học kỳ I	
	34	Ôn tập học kỳ I(tiếp theo)	
18	35	Kiểm tra học kỳ I (+ 1 tiết Hình học)	
19	36	Trả bài kiểm tra học kỳ I	

HỌC KỲ II

20	37	Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số	
	38	Luyện tập	
21	39	Luyện tập (*Tiếp theo*)	
	40	Giải hệ phương trình bằng cách lập hệ phương trình	
22	41	Giải hệ phương trình bằng cách lập hệ phương trình (*Tiếp theo*)	
	42	Luyện tập	
23	43	Luyện tập (*Tiếp theo*)	
	44	Ôn tập chương III	
24	45	Ôn tập chương III (*Tiếp t heo*)	
	46	Kiểm tra chương III	
CHƯƠNG IV:HÀM SỐ $y = ax^2$ $(a \neq 0)$ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN *(24 tiết)*			
25	47	Hàm số $y = ax^2$ $(a \neq 0)$	
	48	Luyện tập	
26	49	Đồ thị hàm số $y = ax^2$ $(a \neq 0)$	
	50	Luyện tập	
27	51	Phương trình bậc hai một ẩn	
	52	Luyện tập	
28	53	Công thức nghiệm của phương trình bậc bậc hai	
	54	Luyện tập	
29	55	Công thức thu gọn	
	56	Luyện tập	
30	57	Hệ thức Vi – ét và ứng dụng	
	58	Luyện tập	
31	59	Kiểm tra 45’	
	60	Phương trình quy về phương trình bậc hai	
32	61	Luyện tập	
	62	Giải bài toán bằng cách lập phương trình	
33	63	Luyện tập	
	64	Ôn tập chương IV	
34	65	Ôn tập chương IV (tiếp theo)	
	66	Ôn tập cuối năm.	
35	67	Ôn tập cuối năm.	
	68	Ôn tập cuối năm.	
36	69	Kiểm tra cuối năm (+ 1 tiết hình học)	
37	70	Trả bài Ôn tập cuối năm.	

B.PHẦN HÌNH HỌC
HỌC KÌ I

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài dạy	Ghi chú
1	1	Một số hệ thức liên hệ về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	
	2	Luyện tập	*
2	3	Một số hệ thức liên hệ về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (*Tiếp theo*)	*
	4	Luyện tập	*
3	5	Tỉ số lượng giác của góc nhọn	
	6	Luyện tập	*
4	7	Tỉ số lượng giác của góc nhọn (*Tiếp theo*)	*
	8	Luyện tập	
5	9	Luyện tập(tìm tỉ số lượng giác và góc bằng máy tính bỏ túi)	*
	10	Một số hệ thức về cạnh về góc trong tam giác vuông	*
6	11	Luyện tập	
	12	Một số hệ thức và cạnh về góc trong tam giác vuông (*Tiếp theo*)	
7	13	Luyện tập	
	14	Ưng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời	
8	15	Ưng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngồi trời (*tt)*	
	16	Ôn tập chương I	
9	17	Ôn tập chương I (*Tiếp theo với sự trợ giúp của máy tính bỏ túi*)	
	18	Kiểm tra chương I	
CHƯƠNG II: ĐƯỜNG TRÒN (17 Tiết)			
10	19	Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn	
	20	Luyện tập	
11	21	Đường kính và dây cung của đường tròn	
	22	Luyện tập	
12	23	Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	
	24	Luyện Tập	*
13	25	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	
	26	Các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	
14	27	Luyện tập	
	28	Tính chất của hai đường tiếp tuyến cắt nhau	
15	29	Luyện tập	
	30	Vị trí tương đối của của hai đường tròn	
16	31	Vị trí tương đối của của hai đường tròn (*Tiếp theo*)	
	32	Luyện tập	
17	33	Ôn tập chương II	
	34	Ôn tập Học Kỳ I	
18	35	Kiểm Tra học kỳ (+ 1 tiết ĐS) (Tuần 18 PPCT)	
19	36	Trả bài kiểm tra học kỳ I	

HỌC KỲ II

CHƯƠNG III: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN *(21 tiết)*			
20	37	Góc ở tâm. Số đo cung	
	38	Luyện tập	
21	39	Liên hệ giữa cung và dây cung	
	40	Góc nội tiếp	
22	41	Luyện tập	
	42	Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	
23	43	Luyện tập	
	44	Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn và ở bên ngoài đường tròn	
24	45	Luyện tập	
	46	Cung chứa góc	
25	47	Cung chứa góc (tiếp theo)	
	48	Luyện tập	
26	49	Tứ giác nội tiếp tiếp	
	50	Luyện tập	
27	51	Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp	
	52	Độ dài đường tròn, cung tròn	
28	53	Diện tích hình tròn, hình quạt tròn	
	54	Luyện tập	
29	55	Ôn tập chương III	
	56	Ôn tập chương III (*Tiếp theo*)	
30	57	Kiểm tra chương III	
CHƯƠNG IV: HÌNH TRỤ - HÌNH NÓN – HÌNH CẦU *(13tiết)*			
	58	Hình trụ. Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ	
31	59	Luyện tập	
	60	Hình nón – Hình nón cụt. Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón và hình nón cụt	
32	61	Luyện tập	
	62	Hình cầu. Diện tích Mặt cầu và thể tích hình cầu	
33	63	Hình cầu. Diện tích Mặt cầu và thể tích hình cầu (*Tiếp theo*)	
	64	Luyện tập	
34	65	Ôn tập chương IV	
	66	Ôn tập cuối năm	
35	67	Ôn tập cuối năm(*Tiếp theo*)	
	68	Ô n tập cuối năm(*Tiếp theo*)	
36	69	Kiểm Tra cuối năm (+ 1 tiết Hình học) (Tuần 36 PPCT)	
37	70	Trả bài kiểm tra cuối năm	